TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **08**/2024/QĐST-DS	*Thạnh Phú, ngày 22 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 583/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị P, sinh năm 1992. Địa chỉ: 245/1 ấp Đ, xã A, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm 2000; chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 2001. Cùng địa chỉ: 234 (Lầu 1) T, phường T, quận T, TP H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần T, sinh năm 1970; địa chỉ: 234 (Lầu 1) T, phường T, quận T, TP H.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Minh N, sinh năm 1991; địa chỉ: Kp, thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1981; địa chỉ: 251 ấp H, xã T, huyện M, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Huỳnh Minh N có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị P số tiền 218.722.221 (Hai trăm mười tám triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi mốt) đồng.

Thời hạn và cách thức trả khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Huỳnh Minh N có nghĩa vụ chịu 2.734.027 đồng.

+ Chị Phan Thị P tự nguyện chịu 2.734.027 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.375.000 đồng theo biên lai thu số 0000434 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Chị Phan Thị P được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền 2.640.973 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi Cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tơ

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, T cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương

sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).